

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2021

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đương
2. Ông Kim Na Rinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2021 và Thông báo dời phiên tòa số 01/TB-TA, ngày 28/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm 1989 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Trương Văn Th, sinh năm 1976 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị B có lời khai và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2006 chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn Th tự nguyện xác lập hôn nhân, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn luôn xảy ra bất hòa, cãi vã không tin tưởng nhau về thu chi tiền trong gia đình, xảy ra nhiều lần mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên chị B về nhà

cha mẹ ruột sống từ tháng 01 năm 2021, sau đó chị đi làm thuê đến nay. Sau khi sống riêng chị B không tạo điều kiện để hàn gắn lại, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn Th.

- Về nuôi con tên: Trương Thanh Tr, sinh ngày 07/01/2008 và Trương Thị Thanh Th, sinh ngày 08/12/2009, Trương Thị Ngọc Gi, sinh ngày 10/5/2016, hiện anh Th đang nuôi dưỡng các con nên chị B đồng ý để anh Th tiếp tục nuôi các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị B không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị B không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Trương Văn Th vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết anh Th có lời khai như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh thừa nhận trong thời gian chung sống giữa anh và chị B bất đồng quan điểm do chị B tính tình thay đổi và nhiều lần cãi vã nhau những việc trong gia đình, không hòa thuận được nên chị B bỏ đi từ đầu năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống riêng anh Th có tạo điều kiện để hàn gắn lại nhưng chị B không đồng ý, đến nay cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được nên anh Th đồng ý ly hôn với chị B.

- Về con chung: Giữa anh và chị B có các con tên Trương Thanh Tr, sinh ngày 07/01/2008 và Trương Thị Thanh Th, sinh ngày 08/12/2009, Trương Thị Ngọc Gi, sinh ngày 10/5/2016, hiện anh Th đang nuôi dưỡng các con nên anh đồng ý tiếp tục nuôi các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Anh Th không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, quá trình giải quyết đương sự chấp hành chưa đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị B ly hôn với anh Th. Giao con chung tên Trương Thanh Tr, sinh ngày 07/01/2008 và Trương Thị Thanh Th, sinh ngày 08/12/2009, Trương Thị Ngọc Gi, sinh ngày 10/5/2016 cho anh Th được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng nuôi con chị B và anh Th không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về tài sản và số nợ chung các chị B và anh Th không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc chị B phải nộp 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét toàn diện yêu cầu của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn Th có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh Th.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn với anh Trương Văn Th và tranh chấp về nuôi con, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân:* Xét thấy giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn Th chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã M, huyện C đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị B và anh Th là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống giữa chị B và anh Th bất đồng quan điểm về cách ứng xử, cãi vã qua lại với nhau những việc trong gia đình, không còn tin tưởng lẫn nhau, không ai quan tâm đến ai nên anh chị sống riêng từ đầu năm 2021 đến nay. Xét thấy, sau khi chị B và anh Th không còn chung sống với nhau thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tạo điều kiện hòa giải hàn gắn lại, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị B và anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và anh Th đồng ý ly hôn với chị B. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh Th ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị B và anh Th có 03 người con tên Trương Thanh Tr, sinh ngày 07/01/2008 và Trương Thị Thanh Th, sinh ngày 08/12/2009, Trương Thị Ngọc Gi, sinh ngày 10/5/2016. Quá trình giải quyết Thanh Tr và Thanh Th có nguyện vọng sống chung với cha là Trương Văn Th do từ trước đến nay sống chung với cha; qua xác minh nhận thấy các con Thanh Tr, Thanh Th và Ngọc Gi do anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, luôn đảm bảo tốt cuộc sống của các con và chị B đồng ý để anh Th được nuôi các con, anh Th đồng ý tiếp tục nuôi các con.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao các con tên Trương Thanh Tr và Trương Thị Thanh Th, Trương Thị Ngọc Gi cho anh Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng

con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của các con và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị B và anh Th không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:* Chị B và anh Th không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

- *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trương Văn Th.

- *Về nuôi con:* Giao cho anh Trương Văn Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên Trương Thanh Tr, sinh ngày 07/01/2008 và Trương Thị Thanh Th, sinh ngày 08/12/2009, Trương Thị Ngọc Gi, sinh ngày 10/5/2016 khi ly hôn.

Chị Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị B và anh Th không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:* Chị B và anh Th không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền số 0004362, ngày 09 tháng 3 năm 2021 do chị B nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị B đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị B và Trương Văn Th vãng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa